TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 113/2019/DS-PT
Ngày 25 - 6 - 2019
V/v tranh chấp chia di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Thi

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Nhiên

Ông Trần Bá Kha

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Ông Trịnh Văn Đương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2019/TLPT-DS ngày 20 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp chia tài sản do người chết để lại.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 135/2019/QĐ-PT ngày 10 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

Bà Phạm Thị T, sinh năm: 1957 (Vắng mặt);

Chị Lăng Thị Ph, sinh năm: 1979 (Vắng mặt);

Chị Lăng Thị Kim L, sinh năm: 1981 (Vắng mặt);

Chị Lăng Thị Kim D, sinh năm: 1983 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp TH, xã TTh, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T, chị Ph, chị L, chị D: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966. Địa chỉ: Số nhà 749, tổ 01, ấp MH, xã ML, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang (Theo văn bản ủy quyền ngày 04/12/2018) - (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T, chị Ph, chị L, chị D: Luật sư Lương Hữu Ch - Công ty Luật BMP, đoàn luật sư thành phố Hà Nội (Có mặt).

Anh Lăng Thanh Ph, sinh năm: 1990. Địa chỉ: Số nhà 524, Khu phố TT, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1957. Địa chỉ: Số nhà 524 khu phố TT, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của bị đơn: Luật sư Phạm Anh V -Văn phòng luật sư Phạm Anh V, đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. NLQ1 (Có mặt).

2. NLQ2 (Có mặt).

3. NLQ3 (Vắng mặt).

4. NLQ4 (Vắng mặt).

5. NLQ5 (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lợi: Bà Phạm Thị T, chị Lăng Thị Ph, chị Lăng Thị Kim L, chị Lăng Thị Kim D, anh Lăng Thanh Ph; bị đơn bà Nguyễn Thị Đ; NLQ1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/02/2018, nguyên đơn ông Lăng Hưng L trình bày:

Ông Lăng Hưng L và bà Nguyễn Thị Đ chung sống từ tháng 4 năm 1987, không có đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống ông L, bà Đ có một người con chung là anh Lăng Thanh Ph, sinh ngày 15/12/1990. Quá trình chung sống, ông L, bà Đ tạo lập được các tài sản chung gồm:

- Quyền sử dụng đất diện tích 56m^2 thuộc thửa 28, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại số 454, khu phố TT, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 159851 do Ủy ban nhân dân huyện HĐ cấp ngày 14/10/2005 do ông Lăng Hưng L đứng tên. Trên đất có căn nhà một trệt và hai lầu được xây dựng năm 2001 và sửa chữa lại năm 2013 (gọi tắt là tài sản 1).

Theo Công văn số 507/UBND-TN&MT ngày 28/11/2017 của Ủy ban nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang thì phần đất qua đo đạc thực tế tăng 4m^2 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp (được tiếp tục sử dụng, nhưng phải đăng ký kê khai biến động).

- Quyền sử dụng đất diện tích 71,8m^2, cặp kênh Rạch Giá- Hà Tiên và Quốc lộ 80, tọa lạc tại số 524, khu phố TT, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên đất có căn nhà một trệt và một lầu được xây dựng năm 2003 (gọi tắt là tài sản 2).

Theo Công văn trả lời của Ủy ban nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang thì chưa có quy hoạch đối với khu đất trên.

- Quyền sử dụng đất diện tích 2.849m^2, thuộc thửa số 03, 03a, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại ấp MH, xã ML, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 837086 đất do Ủy ban nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 10/8/2004 do ông Lăng Hưng L đứng tên. Trên giấy chứng nhận thể hiện cấp cho hộ là sử dụng theo mẫu (gọi tắt là tài sản 3).

Phần đất qua đo đạc thực tế tăng 17,9m^2 với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp.

- Quyền sử dụng đất diện tích 2.367m^2 thuộc tờ bản đồ số 04, thửa số 38, 38a, tọa lạc tại ấp BTh, xã BS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 812634 do Ủy ban nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 20/5/2004 do ông Lăng Hưng L đứng tên. Trên giấy chứng nhận thể hiện cấp cho hộ là sử dụng theo mẫu (gọi tắt là tài sản 4).

Phần đất qua đo đạc thực tế tăng 130,9m^2 với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp (do sai số trong quá trình đo đạc để lập thủ tục cấp giấy).

- Quyền sử dụng đất diện tích 1.620m^2 thuộc thửa số 37, 82, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp BTh, xã BS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y812633 do Ủy ban nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 04/4/2007 do ông Lăng Hưng L đứng tên. Trên giấy chứng nhận thể hiện cấp cho hộ là sử dụng theo mẫu (gọi tắt là tài sản 5).

Phần đất qua đo đạc thực tế tăng 162,8m^2 với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp.

Từ năm 2001, do vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông bà không còn quan hệ tình cảm với nhau, mỗi người có cuộc sống riêng tư nên ông L về xã BS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang cất quán cơm để kinh doanh.

Đến năm 2008 thì ông L nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 108m^2 thuộc tờ bản đồ số 4, thửa số 90a, tọa lạc tại số 771, khu phố TT, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 941721 do Ủy ban nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 01/8/2008 do ông Lăng Hưng L đứng tên. Trên phần đất này năm 2009 ông L cho xây dựng một căn nhà một trệt, một lửng để bán điện máy lấy tên là TM. Đến năm 2013 thì sửa chữa lại (sau đây gọi tắt là tài sản 6).

Phần đất qua đo đạc thực tế giảm 13,3m^2 với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp (do sai số trong quá trình đo đạc để lập thủ tục cấp giấy). Ông L cho rằng đây là tài sản riêng của ông.

Năm 2016, ông L phát hiện bà Đ đem các tài sản chung của ông bà (gồm tài sản 1, 3, 4 và 5) và tài sản riêng của ông (tài sản 6) thế chấp tại Ngân hàng - Chi nhánh ML, Kiên Giang (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) để vay số tiền 2.400.000.000đ *(Hai tỷ bốn trăm triệu đồng)*.

Do đó, tại đơn khởi kiện đề ngày 14/02/2018, ông L yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Không công nhận ông L với bà Nguyễn Thị Đ là vợ chồng.

- Về con chung: Ông L và bà Đ có một người con chung là anh Lăng Thanh Ph, hiện nay đã trên 18 tuổi, nên ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông yêu cầu Tòa án hủy đồng tín dụng số 7716-LAV-201500426/HĐTD ngày 12/3/2015 và các hợp đồng thế chấp số 201303213A/HĐTC ngày 25/02/2014; số 201303213B/HĐTC ngày 25/02/2014 và số 201303213C/HĐTC ngày 25/02/2014 ký kết giữa Ngân hàng và bà Nguyễn Thị Đ. Buộc Ngân hàng phải trả lại toàn bộ giấy tờ nhà đất cho ông L.

Đồng thời, ông yêu cầu chia đôi tài sản chung giữa ông và bà Đ (gồm các tài sản 1, 2, 3, 4 và 5) và yêu cầu Tòa án công nhận tài sản 6 là tài sản riêng của ông, buộc bà Đ phải trả lại tài sản này cho ông.

Tại các biên bản hòa giải ông L yêu cầu bà Đ phải giao trả cho ông tài sản 6 là tài sản riêng của ông. Đối với các tài sản chung, tại biên bản hòa giải ngày 15/5/2018 và ngày 12/7/2018, ông L yêu cầu được quản lý, sử dụng các tài sản 1 và 3, các tài sản còn lại ông đồng ý giao cho bà Đ quản lý, sử dụng.

Tại biên bản hòa giải ngày 16/8/2018, ông L yêu cầu chia tài sản chung theo công sức đóng góp và yêu cầu được quản lý, sử dụng các tài sản 1, 3, 4 và 5. Tuy nhiên, nếu khối tài sản ông hoặc bà Đ được nhận có giá trị cao hơn phần tài sản được chia thì phải trả giá trị chênh lệch cho người không được nhận tài sản.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lăng Hưng L chết (ngày 18/11/2018).

Tại đơn yêu cầu ngày 30/11/2018 và trong các biên bản lấy lời khai ngày 04/01/2019, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lợi gồm bà Phạm Thị T, chị Lăng Thị Ph, chị Lăng Thị Kim L, chị Lăng Thị Kim D trình bày: Bà T và ông L chung sống với nhau từ năm 1977, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn, hai người có ba người con chung gồm: Lăng Thị Ph, sinh năm 1979; Lăng Thị Kim L, sinh năm 1981 và Lăng Thị Kim D, sinh năm 1983. Ông L chung sống với bà T được khoảng 10 năm thì ông L bỏ đi làm ăn,

khoảng 01 - 02 tháng mới về thăm vợ con một lần, đến khoảng năm 2008 thì ông L về ở luôn với bà T. Nay ông L chết, bà T và ba người con yêu cầu được phân chia di sản thừa kế của ông L để lại, trong đó yêu cầu được nhận các tài sản 1, 3, 4 và 5.

Tại biên bản hòa giải ngày 26/02/2019, ông Nguyễn Văn T là người đại diện theo ủy quyền của bà T, chị Ph, chị L và chị D trình bày:

Sau khi chung sống với bà T và có ba người con chung, thì ông L mới về thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang ở với bà Nguyễn Thị Đ. Quá trình chung sống với bà Đ có một người con chung tên Lăng Thanh Ph, sinh năm 1990 và tạo dựng được khối tài sản 1, 2, 3, 4, 5, 6 hiện nay đang tranh chấp với bà Đ. Do đó, bà T và ba người con của ông L, bà T yêu cầu sau khi phân chia tài sản chung với bà Đ. Đối với phần di sản thừa kế của ông L để lại, bà T và ba người con (Ph, L và D) yêu cầu được chia thành năm phần bằng nhau cho năm người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông L, gồm vợ bà Phạm Thị T và 04 người con gồm Lăng Thị Ph, Lăng Thị Kim L, Lăng Thị Kim D và Lăng Thanh Ph, mỗi người được hưởng 1/5 di sản thừa kế của ông L để lại.

Đối với phần di sản bà T và ba người con được hưởng thì không chia thành từng kỷ phần mà gộp chung và giao cho bà T quản lý phần di sản chung của 04 người được hưởng. Sau này nếu có yêu cầu chia riêng từng kỷ phần, bà T và ba người con sẽ tự phân chia sau. Bà T và ba người con yêu cầu được nhận di sản thừa kế bằng hiện vật gồm các tài sản 3, 4 và 5. Đối với ba tài sản còn lại gồm tài sản 1, 2 và 6 thì giao cho bà Nguyễn Thị Đ quản lý, sử dụng và toàn quyền quyết định. Nếu phần di sản bà T và ba người con được nhận có giá trị cao hơn kỷ phần thừa kế của bốn người được hưởng thì sẽ trả lại giá trị bằng tiền cho anh Ph và bà Đ. Ngược lại, nếu phần phân chia tài sản phía bà Đ được nhận có giá trị cao hơn thì phía bà Đ phải có nghĩa vụ thối lại giá trị bằng tiền cho phía bà T, chị Ph, chị L và chị D.

Tại phiên tòa, ông T là người đại diện theo ủy quyền của bà T, chị Ph, chị L, chị D yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của ông L với bà Đ gồm các tài sản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 theo quy định của pháp luật và yêu cầu được nhận tài sản bằng các tài sản 3, 4 và 5 và giao cho phía bà Đ các tài sản 1, 2 và 6. Nếu bên nào nhận giá trị cao hơn thì sẽ phải thối lại giá trị bằng tiền và yêu cầu xác định hàng thừa kế của ông L gồm: Bà Phạm Thị T, chị Lăng Thị Ph, chị Lăng Thị Kim L, chị Lăng Thị Kim D, anh Lăng Thanh Ph và yêu cầu phân chia di sản thừa kế theo pháp luật. Ngoài ra ông Nguyễn Văn T không trình bày gì thêm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Bà và ông Lăng Hưng L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1987, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống bà với ông L có một người con chung tên Lăng Thanh Ph, sinh ngày 15/12/1990 và tạo lập được khối tài sản chung gồm tài sản 1, 2, 3, 4 và 5. Cụ thể:

- Thời gian đầu chung sống, bà Đ và ông L mua được thửa đất diện tích 56m^2 tọa lạc tại số 454, khu phố TT, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang và sinh sống ở đây khoảng 05 năm thì ông L đi tù 01 năm.

Sau khi ra tù, mặc dù còn chung sống với nhau nhưng ông L đến xã BS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang để bán quán bia và lấy tiền tiêu riêng, còn bà và con gái riêng của bà là NLQ1 thì bán điện máy và đồ điện gia dụng ở thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang và mượn thêm tiền của các em bà Đ để mua các tài sản sau:

- Năm 2001, bà đứng ra mua tài sản 5 với giá 18 cây vàng 9999, do không đủ tiền nên bà mượn của em gái bà là NLQ4 số tiền 50.000.000 đồng, trị giá bằng 10 cây vàng 9999, khi làm giấy tờ thì cho ông L đứng tên.

- Năm 2003 thì bà đứng ra xây dựng căn nhà 01 trệt và 02 lầu trên phần đất diện tích 56m^2 mà ông bà mua được. Khi xây nhà, chính ông L mượn thêm của NLQ3 04 cây vàng 9999.

- Năm 2004, bà đứng ra mua tài sản 3 với giá 50.000.000 đồng và mua tài sản 4 với giá 350.000.000 đồng, do không đủ tiền mua tài sản 4 nên bà và anh Lăng Thanh Ph mượn thêm của em bà là NLQ3 số tiền 100.000.000 đồng, trị giá bằng 20 cây vàng 9999, khi làm giấy tờ 02 thửa đất trên thì cho ông L đứng tên.

- Năm 2005, bà đứng ra xây dựng căn nhà một trệt và một lầu trên thửa đất diện tích 71,8m^2, cặp kênh Rạch Giá - Hà Tiên và Quốc lộ 80, tọa lạc tại số 524, khu phố TT, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang, khi xây dựng bà mượn thêm của NLQ4 10 cây vàng 9999.

Riêng tài sản 6 là do con gái bà NLQ1 vay mượn để mua đất và xây dựng siêu thị điện máy, khi làm giấy nhờ ông L đứng tên giùm, hiện nay NLQ1 đang sử dụng và kinh doanh điện máy. Do đó đây là tài sản riêng của NLQ1, không phải tài sản chung của bà Đ với ông L.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông L, bà Đ có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Bà đồng ý không công nhận giữa bà và ông L là vợ chồng.

- Về con chung: Anh Ph đã trưởng thành, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Hiện nay ông L đã chết bà không đồng ý phân chia di sản của người chết để lại mà bà yêu cầu được một mình sử dụng gồm các tài sản 1, 3, 4 và 5. Đồng thời, bà yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải di dời nhà, các công trình xây dựng khác trên tài sản 3 do ông T xây dựng và toàn bộ tài sản khác của ông T để giao trả lại mặt bằng quyền sử dụng đất cho bà sử dụng. Bà không đồng ý bồi thường bất kỳ khoản tiền nào cho ông T.

Đối với tài sản 2 thì cho anh Ph quản lý, sử dụng do anh Ph có công sức đóng góp trong gia đình. Đối với tài sản 6 thì trả lại cho chị Th.

- Về nợ chung: Bà yêu cầu trước khi chia tài sản chung phải trả nợ cho NLQ4 24 cây vàng 9999 và trả nợ cho NLQ3 20 cây vàng 9999.

Tại đơn yêu cầu phản tố ngày 17/9/2018 và trong các bản khai, bà Đ trình bày:

Trong thời gian bà và ông L chung sống chưa phát sinh mâu thuẫn, ông L đã lấy của bà các khoản tiền sau để tiêu xài cá nhân:

- Số tiền vay Ngân hàng Thương mại cổ phần ĐA, khoản vay gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi tính đến thời điểm tháng 8/2018 là 144.000.000 đồng, cộng tiền gốc và lãi là 244.000.000 đồng. Khoản tiền này bà phải vay Ngân hàng chi nhánh ML Kiên Giang để trả cho ông L, hiện nay bà vẫn chưa trả hết cho Ngân hàng.

- Năm 2007, ông L lấy khoản tiền 13.000 USD, tương đương số tiền là 286.000.000 đồng, bà mượn của NLQ1 để đưa cho ông L, ông L dùng số tiền này mua xe, sau đó bán xe được 170.000.000 đồng nhưng ông L chưa trả cho bà đồng nào và hiện tại bà vẫn còn nợ NLQ1 khoản tiền này.

- Cách đây 21 năm, ông L lấy tài sản của bà là một chiếc xe Dream (Tem lửa) trị giá 30.000.000 đồng bán lấy tiền cất nhà cho vợ lớn của ông L.

- Số tiền bà tích góp đóng bảo hiểm cho anh Ph là 50.000.000 đồng, đến khi anh Ph 18 tuổi ông L đã lấy tiêu xài cá nhân không trả lại tiền cho bà.

- Từ năm 2010 đến 2016, ông L lấy mỗi tháng 5.000.000 đồng, bà nhờ NLQ1 đưa cho ông L, như vậy trong 06 năm ông L lấy của bà số tiền là 360.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu phản tố buộc ông L phải trả cho bà các khoản tiền nêu trên tổng cộng là 970.000.000 đồng trước khi Tòa án giải quyết việc ly hôn và chia tài sản chung giữa ông bà.

NLQ1 có yêu cầu độc lập trình bày:

NLQ1 là con riêng của bà Nguyễn Thị Đ, ông Lăng Hưng L là cha dượng của chị. Năm ông L đi tù, bà Đ kêu NLQ1 về chung sống với bà Đ ở thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang để phụ giúp gia đình trong công việc kinh doanh. Vào năm 2007, NLQ1 có mượn của anh Nguyễn Văn S là Việt Kiều Mỹ số tiền 115.000 USD để mua căn nhà và đất diện tích 108m^2, tọa lạc tại số 771, khu phố TT, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang của bà Lê Thị Đ và ông Nguyễn Văn B, trú tại số 24, ấp GG, xã BS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang. Do thời gian này NLQ1 đang ly hôn với chồng là anh Đào Văn H, lo sợ anh H đòi chia tài sản chung đối với số tiền

NLQ1 mượn nên NLQ1 nhờ ông L đứng tên sổ tiết kiệm 80.000 USD gửi tại Ngân - Chi nhánh ML, Kiên Giang. Sau khi thỏa thuận mua bán xong, NLQ1 đã điện thoại nói ông L rút tiền để chị trả số tiền chuyển nhượng cho vợ chồng bà Đ, ông B là 1.200.000.000 đồng và nhờ ông L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 01/8/2008, NLQ1 thuê người xây dựng siêu thị điện máy, mẫu thiết kế do chị tự chọn, tiền công xây dựng và tiền vật tư do NLQ1 thanh toán.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 07/5/2018, NLQ1 yêu cầu công nhận tài sản 6 là tài sản riêng của NLQ1 và buộc ông L phải giao trả giấy tờ đất và sang tên quyền sử dụng đất cho NLQ1.

Đối với các tài sản khác ông L, bà Đ tạo dựng được, NLQ1 cho rằng kể từ khi NLQ1 về chung sống với bà Đ ở thị trấn SS, NLQ1 phụ tiếp bà Đ kinh doanh điện gia dụng và bình ắc quy theo giấy phép kinh doanh bà Đ được cấp năm 2001. Sau khi siêu thị điện máy TM được xây dựng xong, NLQ1 tiếp tục giúp bà Đ kinh doanh thêm mặt hàng điện máy, mặc dù các khoản thu chi do bà Đ nắm giữ nhưng NLQ1 là người trực tiếp đứng ra mua bán, quản lý siêu thị.

Từ năm 2009, NLQ1 đã thành lập công ty riêng chuyên kinh doanh trang thiết bị y tế và sử dụng nguồn tiền kinh doanh từ công việc này để đầu tư vào siêu thị điện máy nhưng đầu tư bao nhiêu thì NLQ1 không nhớ chính xác.

Đến năm 2014, siêu thị bị cháy không còn tài sản gì, giấy phép kinh doanh của bà Đ phải tạm ngưng hoạt động, sau khi đầu tư kinh doanh lại cho đến nay thì NLQ1 trực tiếp kinh doanh, bà Đ không còn tham gia công việc kinh doanh nữa. NLQ1 cho rằng toàn bộ tài sản chung của ông L và bà Đ tạo lập được là từ việc kinh doanh điện máy nêu trên.

Anh Lăng Thanh Ph (NLQ2) trình bày:

Từ nhỏ anh sinh sống cùng với ông L, bà Đ. Từ năm 12 tuổi cho đến năm 17 tuổi, anh đã phụ giúp gia đình trong công việc kinh doanh như một buổi đi học, một buổi giao gas. Sau khi nghỉ học và đi nghĩa vụ quân sự trở về (từ năm 2012 đến nay), do ông L lên BS kinh doanh nên anh tiếp tục phụ giúp bà Đ và chị Th nhận hàng, giao hàng…và chính nhờ vào sự góp sức này của anh, kể từ năm 2001 đến nay ông L và bà Đ mới tạo dựng được các tài sản chung sau này. Hiện nay, anh đã có vợ và một người con nhưng anh vẫn chung sống với bà Đ, còn vợ con anh thì ở bên ngoại, anh chưa có nhà riêng.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 07/5/2018, anh Ph yêu cầu được sở hữu căn nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại số 454, khu phố TT, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang vì đây là công sức đóng góp của anh vào khối tài sản chung của ông L,

bà Đ trong quá trình anh sinh sống và lao động cùng cha mẹ. Anh không yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cha anh ông L để lại.

NLQ5 (Nguyễn Văn T) trình bày:

NLQ5 được ông L cho ở nhờ trên thửa đất diện tích 2.849m^2 tọa lạc tại ấp MH, xã ML, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang. Sau này nếu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung và chia thừa kế xác định quyền sử dụng đất trên của ai, thì NLQ5 sẽ di dời nhà ở và toàn bộ tài sản khác trên đất trả lại mặt bằng cho chủ sử dụng, NLQ5 không yêu cầu bồi hoàn tiền xây dựng và di dời tài sản.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn - ông Nguyễn Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu phân chia di sản thừa kế của ông L chết để lại, bị đơn bà Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố, yêu cầu phân chia tài sản chung với ông L và không yêu cầu chia di sản thừa kế do ông L chết để lại; NLQ1 có yêu cầu độc lập, anh Ph vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập của mình và anh Ph không yêu cầu chia di sản thừa kế do ông L chết để lại.

Đồng thời, các đương sự thống nhất với kết quả đo đạc theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án tiến hành ngày 03/11/2016; thống nhất các số liệu biến động về diện tích đất tranh chấp qua đo đạc thực tế chênh lệch so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp theo Công văn trả lời số 507/UBND-TN&MT ngày 28/11/2017 của Ủy ban nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang; thống nhất với kết quả định giá theo Chứng thư định giá số 26/CT-KGGL ngày 31/5/2018 của Công ty TNHH MTV Bất động sản Đất Vàng Kiên Giang và không yêu cầu định giá lại.

Theo chứng thư kết quả định giá các tài sản như sau:

- Tài sản 1: giá trị quyền sử dụng đất là 1.230.000.000 đồng; giá trị nhà và công trình xây dựng trên đất là 970.296.869 đồng; tổng giá trị tài sản 1 là 2.200.296.869đ *(Hai tỷ hai trăm triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm sáu mươi chín đồng)*.

- Tài sản 2: Giá trị quyền sử dụng đất là 1.112.900.000 đồng; giá trị nhà và công trình xây dựng trên đất là 519.008.130 đồng; tổng giá trị tài sản 2 là 1.631.908.130đ *(Một tỷ sáu trăm ba mươi mốt triệu chín trăm lẻ tám nghìn một trăm ba mươi đồng)*.

- Tài sản 3: Giá trị quyền sử dụng đất là 730.228.000đ *(Bảy trăm ba mươi triệu hai trăm hai mươi tám nghìn đồng)*.

- Tài sản 4: Giá trị quyền sử dụng đất là 1.605.824.000đ *(Một tỷ sáu trăm lẻ năm triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn đồng)*.

- Tài sản 5: Giá trị quyền sử dụng đất là 908.716.000đ *(Chín trăm lẻ tám triệu bảy trăm mười sáu nghìn đồng)*.

- Tài sản 6: Giá trị quyền sử dụng đất là 3.115.630.000 đồng; giá trị nhà và công trình xây dựng trên đất là 853.261.500 đồng; tổng giá trị tài sản 6 là 3.968.891.500đ *(Ba tỷ chín trăm sáu mươi tám triệu tám trăm chín mươi mốt nghìn năm trăm đồng)*.

Ngoài ra, các đương sự không yêu cầu chia tài sản hiện có trong căn nhà 1, 2 và thống nhất người nào được quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản thì phải có trách nhiệm giao trả cho bà Đ, NLQ1 và anh Ph. Riêng tài sản trong căn nhà 6 bao gồm đồ đạc trong nhà và các mặt hàng đang được NLQ1 kinh doanh là tài sản riêng của NLQ1, các đương sự không yêu cầu chia.

Đối với chi phí thẩm định giá ông L đã nộp là 20.500.000 đồng, những người thừa kế của ông L (bà T và 03 con) yêu cầu bà Đ phải trả lại.

Đối với số tiền bà Đ vay Ngân hàng là 2.400.000.000 đồng, theo bản án kinh doanh thương mại số 07/2018/KDTM-ST ngày 11/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện HĐ thì bà Đẹp phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi còn lại là 889.542.667 đồng, đến nay bà Đ đã thanh toán xong và Ngân hàng đã trả lại toàn bộ giấy tờ thế chấp tài sản cho bà Đ. Do đó bà Đ, NLQ1 và anh Ph đồng ý với ý kiến của Ngân hàng về việc Ngân hàng từ chối tham gia vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn - ông Nguyễn Văn T cũng đồng ý rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án hủy đồng tín dụng số 7716-LAV-201500426/HĐTD ngày 12/3/2015 và các hợp đồng thế chấp số 201303213A/HĐTC ngày 25/02/2014; số 201303213B/HĐTC ngày 25/02/2014 và số 201303213C/HĐTC ngày 25/02/2014 ký kết giữa Ngân hàng và bà Nguyễn Thị Đ, buộc Ngân hàng phải trả lại toàn bộ giấy tờ nhà đất cho nguyên đơn.

Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu của người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là bà Phạm Thị T, chị Lăng Thị Ph, chị Lăng Thị Kim L và chị Lăng Thị Kim D về việc chia di sản thừa kế do ông Lăng Hưng L chết để lại.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Đ về việc yêu cầu những người thừa kế di sản của ông Lăng Hưng L phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền 970.000.000 đồng *(Chín trăm bảy mươi triệu đồng)* trước khi chia di sản thừa

kế của ông L và bác yêu cầu của bà Đ về việc không đồng ý chia tài sản chung với ông L.

- Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của NLQ1 công nhận một phần công sức gìn giữ đóng góp của NLQ1 vào khối tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 108m^2 và tài sản trên đất, tọa lạc tại số 771, khu phố TT, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

- Không chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Lăng Thanh Ph về việc anh yêu cầu được sở hữu căn nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại số 454, khu phố TT, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

2. Xác định di sản thừa kế của ông Lăng Hưng L để lại gồm:

- 1/2 giá trị tài sản là quyền sử dụng đất diện tích theo đo đạc thực tế 60m^2 thuộc tờ bản đồ số 2, thửa số 28, tọa lạc tại số 454, khu phố TT, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 159851 do Ủy ban nhân dân huyện HĐ cấp ngày 14 tháng 10 năm 2005 cho ông Lăng Hưng L đứng tên, trên đất có căn nhà 01 trệt và 02 lầu được xây dựng năm 2001 và sửa chữa lại năm 2013, bao gồm: (1) nhà - kho chứa hàng có kết cấu móng và khung cột bê tông cốt thép, nền lát gạch ceramic, tường xây gạch dày 10cm có ốp gạch men trang trí, cầu thang bê tông cốt thép ốp gạch ceramic, tay vịn inox, sàn bê tông cốt thép, cửa đi chính sắt kéo, của sổ khung nhôm và kính, hiện trạng nhà đang sử dụng; (2) mái che nước xây dựng năm 2001, kết cấu khung kèo bằng thép, xà gỗ thép, mái tôn sóng vuông, diện tích sử dụng 16m^2; và (3) mái che sân thượng xây dựng năm 2001, kết cấu khung kèo bằng thép, xà gồ thép, mái tôn sóng vuông, diện tích sử dụng 41m^2 (tài sản 1). Tổng giá trị tài sản là 2.200.296.869 đồng.

- 1/2 giá trị tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 71,8m^2, cặp kênh Rạch Giá-Hà Tiên và Quốc lộ 80, tọa lạc tại số 524, khu phố TT, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên đất có căn nhà 01 trệt và 01 lầu được xây dựng năm 2003, kết cấu móng bê tông cốt thép gia cố cừ tràm, nền lát gạch ceramic 40 x 40cm, cột bê tông cốt thép, tường xây gạch dày 10cm, cầu thang bê tông cốt thép ốp gạch ceramic, tay vịn gỗ, cửa đi chính 04 cánh mở khung nhôm và kính, cửa sổ khung nhôm và kính (tài sản 2). Tổng giá trị tài sản là 1.631.908.130 đồng.

- 1/2 giá trị tài sản là quyền sử dụng đất diện tích theo đo đạc thực tế 2.866,9m^2, thuộc tờ bản đồ số 03, thửa số 03, 03a, tọa lạc tại ấp MH, xã ML, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 837086 do Ủy ban nhân dân huyện HĐ cấp ngày 10 tháng 8 năm 2004 cho ông Lăng Hưng L đứng tên (tài sản 3). Giá trị tài sản là 730.228.000 đồng.

- 1/2 giá trị tài sản là quyền sử dụng đất diện tích đo đạc thực tế 2.497,9m^2 thuộc tờ bản đồ số 04, thửa số 38, 38a, tọa lạc tại ấp BTh, xã BS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 812634 do Ủy ban nhân dân huyện HĐ cấp ngày 20 tháng 5 năm 2004 cho ông Lăng Hưng L đứng tên (tài sản 4). Giá trị tài sản là 1.605.824.000 đồng.

- 1/2 giá trị tài sản là quyền sử dụng đất diện tích theo đo đạc thực tế 1.457,6m^2 thuộc thửa số 37, 82, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp BTh, xã BS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 812633 do Ủy ban nhân dân huyện HĐ cấp ngày 04 tháng 4 năm 2007 cho ông Lăng Hưng L đứng tên (tài sản 5). Giá trị tài sản là là 908.716.000 đồng.

- 1/2 giá trị tài sản (sau khi trừ giá trị công sức đóng góp của NLQ1 là 396.889.000 đồng) là quyền sử dụng đất diện tích đo đạc thực tế 94,7m^2 thuộc tờ bản đồ số 4, thửa số 90a, tọa lạc tại số 771, khu phố TT, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 941721 do Ủy ban nhân dân huyện HĐ cấp ngày 01 tháng 8 năm 2008 cho ông Lăng Hưng L đứng tên, trên đất có căn nhà 01 trệt và 01 lửng được xây dựng năm 2009 và sửa chữa lại năm 2013, kết cấu móng đơn và khung cột bê thông cốt thép, nền lát gạch ceramic, tường xây gạch dày 10cm, cầu thang bê tông cốt thép ốp đá hoa cương, tay vịn inox, trần eron khung xương nổi cách nhiệt, đòn tay gỗ, xà gỗ, mái tôn sóng vuông, của đi chính kính cường lực và cửa cuốn, cửa sổ khung nhôm và kính, nhà đang sử dụng (tài sản 6). Tổng giá trị tài sản 6 là 3.968.891.500 đồng.

Như vậy, di sản thừa kế ông L để lại theo định giá có giá trị là 5.324.488.000 đồng *(Năm tỷ ba trăm hai mươi tư triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn đồng)*.

3. Xác định hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của ông Lăng Hưng L gồm có 05 người là: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1957; Chị Lăng Thị Ph, sinh năm 1979; Chị Lăng Thị Kim L, sinh năm 1981; Chị Lăng Thị Kim D, sinh năm 1983 và Anh Lăng Thanh Ph, sinh năm 1990.

4. Kỷ phần thừa kế mỗi người thừa kế của ông Lăng Hưng L được hưởng là 1.064.897.600 đồng *(Một tỷ không trăm sáu mươi tư triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn sáu trăm đồng)*.

5. Chia di sản thừa kế của ông Lăng Hưng L cho bà Phạm Thị T, chị Lăng Thị Ph, chị Lăng Thị Kim L và chị Lăng Thị Kim D được sử dụng các quyền sử dụng đất như sau:

- Thửa đất số 03, 03a, tờ bản đố số 3 diện tích đo đạc thực tế 2.866,9m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 837086 do Ủy ban nhân dân huyện HĐ cấp ngày 10 tháng 8 năm 2004, đứng tên ông Lăng Hưng L. Địa chỉ khu đất ấp MH, xã

ML, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang (tài sản 3): Theo tờ trích đo địa chính ngày 13/12/2016 đất có tứ cận như sau:

+ Cạnh 1 - 2 giáp đất bà Phan Thị Ngọc Á = 15,20m; Cạnh 2 - 3 giáp đất bà Phan Thị Ngọc Á = 23,30m; Cạnh 3 - 4 giáp hành lang an toàn giao thông đường bộ = 10,30m; Cạnh 4 - 5 giáp đất ông Đoàn Văn L = 225,80m; Cạnh 5 - 6 giáp kênh thủy lợi = 10,30m; Cạnh 6 - 7 giáp đất bà Phan Thị Ngọc Á = 165,31m; Cạnh 7 - 8 giáp đất bà Phan Thị Ngọc Á = 17,50m; Cạnh 8 -1 giáp đất bà Phan Thị Ngọc Á = 31,80m.

- Thửa đất số 38, 38a, tờ bản đố số 04 diện tích đo đạc thực tế 2.497,9m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 812634 do Ủy ban nhân dân huyện HĐ cấp ngày 20 tháng 5 năm 2004, đứng tên ông Lăng Hưng L. Địa chỉ khu đất ấp BTh, xã BS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang (tài sản 4). Theo tờ trích đo địa chính ngày 14/12/2016 đất có tứ cận như sau:

+ Cạnh 1 - 2 giáp hành lang an toàn giao thông đường bộ = 44m; Cạnh 2 - 3 giáp đất ông Lăng Hưng L = 56,86m; Cạnh 3 - 4 giáp hành lang an toàn giao thông đường thủy = 44m; Cạnh 4 - 1 giáp đất ông Lê Hùng S = 56,80m.

- Thửa đất số 37, 82, tờ bản đố số 04 diện tích đo đạc thực tế 1.457,6m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 812633 do Ủy ban nhân dân huyện HĐ cấp ngày 10 tháng 8 năm 2004, đứng tên ông Lăng Hưng L. Địa chỉ khu đất ấp BTh, xã BS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang (tài sản 5). Theo tờ trích đo địa chính ngày 14/12/2016 đất có tứ cận như sau:

+ Cạnh 2 - 5 giáp hành lang an toàn giao thông đường bộ = 21,90m; Cạnh 5 - 6 giáp đất Lê Thị H = 22,10m; Cạnh 6 - 7 giáp đất Lê Thị H = 6,9m; Cạnh 7 - 8 giáp đất Lưu Thị H1= 34,3m; Cạnh 8 -3 giáp đất giáp hành lang an toàn giao thông đường thủy = 26m; Cạnh 3 – 2 giáp đất ông Lăng Hưng L = 56,86m.

Buộc bà Nguyễn Thị Đ, anh Lăng Thanh Ph phải giao các thửa đất và các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu đã phân chia trên cho bà Phạm Thị T, chị Lăng Thị Ph, chị Lăng Thị Kim L, chị Lăng Thị Kim Du sử dụng. Bà T, chị Ph, chị L, chị D có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất từ ông Lăng Hưng L, bà Nguyễn Thị Đ.

(Trường hợp bà Nguyễn Thị Đ, anh Lăng Thanh Ph không giao các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các thửa đất đã phân chia cho bà T, chị Ph, chị L, chị D ở trên thì kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi hủy các giấy này và làm thủ tục cấp lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới cho bà T, chị Ph, chị L, chị D sử dụng).

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn T đồng ý di dời nhà ở và toàn

bộ tài sản khác trên đất trả lại mặt bằng tài sản 3 cho bà T, chị Ph, chị L và chị D quản lý, sử dụng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T không yêu cầu bà T và các con phải hoàn trả tiền xây dựng và di dời tài sản.

6. Bà Nguyễn Thị Đ được giao quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng các thửa đất sau:

- Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 2, diện tích đo đạc thực tế 60m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 159851 do Ủy ban nhân dân huyện HĐ cấp ngày 14 tháng 10 năm 2005, đứng tên ông Lăng Hưng L. Địa chỉ khu đất số 454, khu phố TT, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang. Trên đất có căn nhà 01 trệt và 02 lầu được xây dựng năm 2001 và sửa chữa lại năm 2013, bao gồm: (1) nhà - kho chứa hàng có kết cấu móng và khung cột bê tông cốt thép, nền lát gạch ceramic, tường xây gạch dày 10cm có ốp gạch men tranh trí, cầu thang bê tông cốt thép ốp gạch ceramic, tay vịn inox, sàn bê tông cốt thép, cửa đi chính sắt kéo, của sổ khung nhôm và kính, hiện trạng nhà đang sử dụng; (2) mái che nước xây dựng năm 2001, kết cấu khung kèo bằng thép, xà gỗ thép, mái tôn sóng vuông, diện tích sử dụng 16m^2; và (3) mái che sân thượng xây dựng năm 2001, kết cấu khung kèo bằng thép, xà gồ thép, mái tôn sóng vuông, diện tích sử dụng 41m^2 (tài sản 1). Theo tờ trích đo địa chính ngày 13/12/2016 đất có tứ cận như sau:

+ Cạnh 1 - 2 giáp đất ông Vũ Văn L = 15m; Cạnh 2 - 3 giáp cống thoát nước = 4m; Cạnh 3 - 4 giáp đất ông Hồ Văn Th = 15m; Cạnh 4 - 1 giáp đất vỉa hè công cộng = 4m.

- Thửa đất diện tích đo đạc thực tế 71,8m^2, cặp kênh Rạch Giá- Hà Tiên và Quốc lộ 80. Địa chỉ khu đất số 524, khu phố TT, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất có căn nhà 01 trệt và 01 lầu được xây dựng năm 2003, kết cấu móng bê tông cốt thép gia cố cừ tràm, nền lát gạch ceramic 40 x 40cm, cột bê tông cốt thép, tường xây gạch dày 10cm, cầu thang bê tông cốt thép ốp gạch ceramic, tay vịn gỗ, cửa đi chính 04 cánh mở khung nhôm và kính, cửa sổ khung nhôm và kính (tài sản 2). Theo tờ trích đo địa chính ngày 13/12/2016 đất có tứ cận như sau:

+ Cạnh 1 - 2 giáp kênh Rạch Giá - Hà Tiên = 4,5m; Cạnh 2 - 3 giáp đất bà Phạm Thị B = 16m; Cạnh 3 - 4 giáp đất Quốc lộ 80 = 4,5m; Cạnh 4 - 1 giáp đất NLQ1 = 16m.

Đối với hai thửa đất này bà Nguyễn Thị Đ đang sử dụng, nên không phải giao bà Đ được tiếp tục sử dụng.

- Bà Nguyễn Thị Đ được sử dụng Thửa đất số 90a, tờ bản đồ số 4 diện tích đo đạc thực tế 94,7m^2, trên đất có một căn nhà 01 trệt và 01 lửng được xây dựng năm 2009 và sửa chữa lại năm 2013, kết cấu móng đơn và khung cột bê thông cốt thép, nền lát gạch ceramic, tường xây gạch dày 10cm, cầu thang bê tông cốt thép ốp đá

hoa cương, tay vịn inox, trần eron khung xương nổi cách nhiệt, đòn tay gỗ, xà gỗ, mái tôn sóng vuông, của đi chính kính cường lực và cửa cuốn, cửa sổ khung nhôm và kính, nhà đang sử dụng (tài sản 6). Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 941721 do Ủy ban nhân dân huyện HĐ cấp ngày 01 tháng 8 năm 2008, đứng tên ông Lăng Hưng L. Địa chỉ khu đất Khu phố TT, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang. Theo tờ trích đo địa chính ngày 14/12/2016 đất có tứ cận như sau:

+ Cạnh 1 - 2 giáp hành lang an toàn giao thông đường bộ = 6,8m; Cạnh 2 - 3 giáp đất bà Nguyễn Thị G = 13,95m; Cạnh 3 - 4 giáp đất NLQ1 = 6,8m; Cạnh 4 - 1 giáp đất ông Nguyễn Hoàng V = 13,95m.

- Buộc NLQ1 phải di dời các vật dụng trong nhà và giao thửa đất này cho bà Nguyễn Thị Đ sử dụng.

Bà Đ có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các tài sản trên đất đối với các tài sản mà đã được phân chia.

7. Bà Đẹp có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà T, chị Ph, chị L và chị D số tiền là 1.014.822.000 đồng, cụ thể trả cho mỗi người là 253.705.500 đồng *(Hai trăm năm mươi ba triệu bảy trăm lẻ năm ngàn năm trăm đồng)*.

8. Bà Đ có trách nhiệm hoàn trả lại cho anh Ph kỷ phần thừa kế anh Ph được hưởng là 1.064.897.600 đồng *(Một tỉ không trăm sáu mươi tư triệu tám trăm chín mươi bảy ngàn sáu trăm đồng)*.

9. Bà Đ có trách nhiệm hoàn trả lại cho NLQ1 số tiền NLQ1 được chia công sức đóng góp vào tài sản chung (tài sản 6) của ông L, bà Đ là 396.889.000 đồng *(Ba trăm chín mươi sáu triệu tám trăm tám tám mươi chín ngàn đồng)*.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án hủy đồng tín dụng số 7716-LAV-201500426/HĐTD ngày 12/3/2015 và các hợp đồng thế chấp số 201303213A/HĐTC ngày 25/02/2014; số 201303213B/HĐTC ngày 25/02/2014 và số 201303213C/HĐTC ngày 25/02/2014 ký kết giữa Ngân hàng chi nhánh Mỹ Lâm, Kiên Giang với bà Nguyễn Thị Đ và buộc Ngân hàng phải trả lại toàn bộ giấy tờ nhà đất cho ông Lăng Hưng L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần án phí, chi phí định giá tài sản và báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/4/2019, người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là bà Phạm Thị T, chị Lăng Thị Ph, chị Lăng Thị Kim L và chị Lăng Thị Kim D có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:

Không chia di sản thưa kế của ông Lăng Hưng L để lại cho anh Lăng Thanh Ph, vì anh Ph đã từ chối di sản thừa kế và yêu cầu Tòa án giao quyền sử dụng đất diện tích đất 56m^2, thuộc tờ bản đồ số 02, thửa đất số 28 và căn nhà trên đất tọa lạc

tại số 454, khu phố TT, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang cho bà T, chị Ph, chị L và chị D sử dụng. Sau khi nhận căn nhà này giá trị chênh lệch bao nhiêu thì sẽ trả lại giá trị tài sản cho bà Đ.

Ngày 25/4/2019, người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là anh Lăng Thanh Ph có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:

Cho anh được hưởng diện tích đất 56m^2, thuộc tờ bản đồ số 2, thửa đất số 28 và căn nhà trên đất tọa lạc tại số 454 khu phố TT, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang được Ủy ban nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 14/10/2005 đứng tên ông Lăng Hưng L là giá trị công sức đóng góp của anh Ph trong khối tài sản chung của cha mẹ anh Ph.

Ngày 25/4/2019, bị đơn bà Nguyễn Thị Đ có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Bà cho rằng diện tích đất 94,7m^2 thuộc tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại số 771 khu phố TT, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang là tài sản riêng của NLQ1. Công nhận diện tích đất 56m^2, thuộc tờ bản đồ số 2, thửa đất số 28 và căn nhà trên đất tọa lạc tại số 454 khu phố TT, thị trấn HĐ, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang cho anh Lăng Thanh Ph, vì anh Lăng Thanh Ph có công sức đóng góp vào sự tạo lập tài sản. Bà Đẹp yêu cầu chia thừa kế di sản cho ông Lăng Hưng L, vì bà cũng là vợ của ông L. Án sơ thẩm không chia thừa kế cho bà là không phù hợp với quy định của pháp luật. Bà yêu cầu những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lăng Hưng L gồm bà T, chị Ph, chị L, chị D, anh Ph phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền 970.000.0000 đồng. Đây là số tiền khi ông L còn sống đã buộc bà Đ phải đưa cho ông L chi xài cá nhân trong 17 năm qua.

Ngày 25/4/2019, NLQ1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Công nhận phần diện tích đất 94,7m^2 thuộc tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại số 771 khu phố TT, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang cho NLQ1.

Ngày 10/5/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 08/QĐKNPT-VKS-DS đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 12/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ rút một phần yêu cầu những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lăng Hưng L gồm bà T, chị Ph, chị L, chị D, anh Ph phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền 970.000.0000 đồng khi ông L còn sống đã buộc bà phải đưa cho ông L chi xài cá nhân trong 17 năm qua.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phạm Thị T, chị Lăng Thị Ph, chị Lăng Thị Kim L, chị Lăng Thị Kim D: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà T, chị Ph, chị L, chị D được chia và quản lý hiện vật gồm các tài sản 1, 3, 4, 5. Nếu các tài sản nhận được có giá trị cao hơn, thì sẽ hoàn trả lại giá trị tài sản chênh lệch cho người khác được nhận di sản.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị Đ đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Các đương sự không tự hòa giải với nhau được, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến kết luận vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: NLQ3, NLQ4 đã được Tòa án triệu tập, nhưng vắng mặt và không kháng cáo, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Đây là vụ án chia di sản thừa kế phát sinh từ vụ án xin ly hôn giữa nguyên đơn ông Lăng Hưng L với bị đơn bà Nguyễn Thị Đ. Tuy nhiên do trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, ông Lăng Hưng L (nguyên đơn) chết ngày 18/11/2018. Nên Tòa sơ thẩm đã đình chỉ vụ án ly hôn theo điểm a khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự và chuyển vụ án sang thụ lý vụ án dân sự và xác định quan hệ pháp luật "Tranh chấp chia tài sản của người chết để lại". Việc này chưa thật sự chính xác, mà phải xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp chia di sản thừa kế" mới đúng. Lúc này ông Lăng Hưng L không còn là nguyên đơn nữa. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông L trở thành nguyên đơn mới phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nên cần phải sửa lại nguyên đơn cho chính xác. Tuy nhiên, bản chất của vụ án không có gì thay đổi, quyền và lợi ích của các bên vẫn được bảo đảm đúng với quy định của pháp luật.

Đây là vụ án yêu cầu chia di sản thừa kế, nên cần phải xác định đúng, đầy đủ tài sản của ông L để lại là bao nhiêu. Đồng thời phải xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông L là bao gồm gồm có những ai.

[2] Việc này Tòa sơ thẩm đã xác định chính xác tài sản của ông L để lại gồm có ½ giá trị các tài sản 1, 2, 3, 4, 5 còn tài sản thứ 6 là Siêu thị điện máy tại số 771 khu phố TT, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang chỉ có ½ giá trị sau khi đã khấu trừ 10% giá trị cho NLQ1 là không chính xác. Vì tại chứng thư định giá của Công ty cổ phần bất động sản Đất Vàng Kiên Giang chỉ bao gồm giá trị quyền sử dụng đất là 3.115.630.000 đồng và giá trị vật kiến trúc là 853.261.500 đồng, không có giá trị các vật dụng trong nhà, nên hoàn toàn không có việc đóng góp công sức gìn giữ của NLQ1 ở đây cả.

Hơn nữa, Tòa sơ thẩm tự ấn định mức đóng góp của NLQ1 10% giá trị tài sản là hoàn toàn không có căn cứ, thiếu cơ sở thực tế tại sao 10% mà không phải nhiều hay ít hơn 10%.

[3] Về những người được hưởng thừa kế tài sản, Tòa sơ thẩm xác định gồm: Phạm Thị T, Lăng Thị Ph, Lăng Thị Kim L, Lăng Thị Kim D, Lăng Thanh Ph là hoàn toàn chính xác.

Vì bà Phạm Thị T chung sống với ông L từ năm 1977 có ba người con chung là Ph, L, D. Mặc dù không có đăng ký kết hôn, nhưng trước thời điểm Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực, nên theo quy định tại điểm c1 mục 1 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, thì được xem là hôn nhân thực tế. Do vậy, bà T có quyền hưởng di sản của ông Lăng Hưng L (Là chồng bà T) hoàn toàn phù hợp và thỏa đáng.

Riêng bà Đ chung sống với ông L từ năm 1987 không có đăng ký kết hôn, có một người con chung Lăng Thanh Ph, sinh năm 1990, nên bà Đ không được công nhận là vợ chồng.

[4] Tuy nhiên, quá trình chung sống giữa bà Đ với ông L đã tạo lập khối tài sản gồm:

- Nhà gắn liền quyền sử dụng đất 60m^2 tọa lạc tại 454 khu phố TT, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

- Nhà gắn liền quyền sử dụng đất 71,8m^2 tọa lạc tại 524 khu phố TT, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

- Nhà gắn liền quyền sử dụng đất 94,7m^2 tọa lạc tại 771 khu phố TT, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

- Quyền sử dụng đất diện tích 2.866,9m^2 tọa lạc tại ấp MH, xã ML, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

- Quyền sử dụng đất diện tích 2.497,9m^2 tọa lạc tại ấp BTh, xã BS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

- Quyền sử dụng đất diện tích 1.457,6m^2 tọa lạc tại ấp BTh, xã BS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

[5] Những tài sản này tạo lập trong thời kỳ chung sống, nên khi ông L chết, thì ½ tài sản ông L để lại trở thành di sản thừa kế. Tổng giá trị tài sản của ông L, bà Đ tạo lập theo Chứng thư thẩm định giá là 11.045.864.000 đồng. Như vậy, giá trị di sản ông L để lại để chia thừa kế là 5.522.932.000 đồng, chứ không phải như Tòa án cấp sơ thẩm đã tính. Việc tính không chính xác giá trị di sản của ông L đã làm thiệt thòi quyền lợi của những người được hưởng di sản thừa kế của ông L.

[6] Xét kháng cáo của bà Đ: Bà yêu cầu con chung bà Đ với ông L là Lăng Thanh Ph phải hưởng một căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất 56m^2 tọa lạc tại số 454 khu phố TT, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang. Ngoại trừ căn nhà tại số 771 khu phố TT, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang là của con riêng của bà Đẹp tên NLQ1.

Ngoài ra, bà còn yêu cầu xem xét bà phải lấy 08 phần trong khối tài sản, ông L chỉ được 02 phần. Đồng thời yêu cầu được hưởng thừa kế tài sản của ông L, vì bà Đ là vợ của ông L.

Yêu cầu những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lăng Hưng L phải thanh toán 970.000.000 đồng số tiền bà đã đưa ông L sử dụng suốt 17 năm qua.

Xét thấy: Tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà Đ không đưa ra được chứng cứ nào mới để chứng minh công sức đóng góp của anh Lăng Thanh Ph, cũng như tài sản riêng của NLQ1. Nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo. Đối với yêu cầu số tiền 970.000.000 đồng, bà đã đưa cho ông L, bà Đ rút lại nội dung kháng cáo, nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này.

[7] Xét kháng cáo của anh Lăng Thanh Ph có nội dung yêu cầu được sở hữu căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích 56m^2 tại số 454 khu phố TT, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang, kháng cáo của anh Pho giống như kháng cáo của bà Đ. Như đã phân tích như trên, nên không có căn cứ chấp nhận.

[8] Xét kháng cáo của NLQ1 yêu cầu công nhận căn nhà số 771 khu phố TT, thị trấn SS là tài sản riêng của NLQ1, nhưng NLQ1 từ cấp sơ thẩm đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, không đưa ra chứng cứ nào mới, nên không chấp nhận kháng cáo của NLQ1.

[9] Xét kháng cáo của bà Phạm Thị T, Lăng Thị Ph, Lăng Thị Kim L, Lăng Thị Kim D yêu cầu: Không chia thừa kế cho Lăng Thanh Ph, vì Lăng Thanh Ph đã từ chối nhận di sản thừa kế và yêu cầu nhận nhà và đất tại số 454 khu phố TT, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

Xét thấy, anh Lăng Thanh Ph không yêu cầu nhận thừa kế của ông L, không có nghĩa là khước từ nhận di sản, mà yêu cầu được lấy tài sản có giá trị lớn hơn kỷ phần

thừa kế của anh Ph. Do vậy, yêu cầu kháng cáo của bà T, chị Ph, chị L, chị D về phần này không được chấp nhận.

Riêng yêu cầu được nhận căn nhà gắn liền với đất diện tích 56m^2 tọa lạc tại số 454 khu phố TT, thị trấn HĐ, tỉnh Kiên Giang sau khi cân đối kỷ phần của bốn mẹ con, thấy rằng giao căn nhà trên cho bốn người làm chỗ ở cũng là phù hợp.

[10] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang thấy rằng: Bà T là vợ của ông L, như đã phân tích ở trên, nên bà T phải được hưởng thừa kế của ông L, chứ không như kháng nghị của Viện kiểm sát.

Còn NLQ1 là con riêng của bà Đ, nhưng không hề có công sức chăm sóc, nuôi dưỡng ông L. Ông L cũng không nuôi dưỡng NLQ1, nên không được hưởng thừa kế của ông L theo quy định tại Điều 654 Bộ luật dân sự năm 2015. Tại tờ tự khai ngày 29/3/2018 bà Đ nêu rõ: *"Năm 1986 chung sống với ông L, sinh một người con trai là Lăng Thanh Ph…Năm 1996, ông L đi tù một năm, lúc đó tôi mới nhờ người về quê đem con gái tôi tên NLQ1 giúp tôi buôn bán"* (BL 47). NLQ1 sinh năm 1976, năm 1996 đã 20 tuổi mới ở chung với bà Đ, nên không hề có việc chăm sóc, nuôi dưỡng lẫn nhau giữa ông L và NLQ1.

Về phần án phí và chi phí thẩm định giá tài sản, Tòa án cấp sơ thẩm có sai sót, nên cần chấp nhận phần này theo kháng nghị của Viện kiểm sát.

Từ những phân tích nhận định nêu trên, nghĩ không chấp nhận kháng cáo của anh Ph, NLQ1, bà Đ và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang; chấp nhận một phần kháng cáo của bà T, chị Ph, chị L, chị D. Sửa bản án sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 12/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

[11] Phân chia di sản thừa kế của ông Lăng Hưng L như sau:Tổng giá trị tài sản của bà Đ, ông L là 11.045.864.000 đồng theo chứng thư thẩm định giá).

Giá trị di sản của ông L để lại là 5.522.932.000 đồng.

Giá trị tài sản của bà Đ là 5.522.932.000 đồng.

Giá trị di sản của ông L được chia năm phần gồm bà T, chị Ph, chị L, chị D, anh Ph mỗi kỷ phần được hưởng 1.104.586.400 đồng. Cả bốn kỷ phần của bà T, chị Ph, chị L, chị D có giá trị là 4.418.345.600 đồng được chia bằng hiện vật.

Chia cho bà T, chị Ph, chị L, chị D được sở hữu các tài sản sau:

- Quyền sử dụng đất diện tích 2.497,9m^2 tọa lạc tại ấp BTh, xã BS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang (1.605.824.000 đồng).

- Quyền sử dụng đất diện tích 1.457,6m^2 tọa lạc tại ấp BTh, xã BS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang (908.716.000 đồng)

- Quyền sử dụng đất diện tích 2.866,9m^2 tọa lạc tại ấp MH, xã ML, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang (730.228.000 đồng)

- Nhà gắn liền quyền sử dụng đất 60m^2 tọa lạc tại 454 khu phố TT, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang (1.749.008.130 đồng).

Với tổng giá trị là 4.993.776.130 đồng.

Như vậy, các tài sản của bà T, chị Ph, chị L, chị D nhận cao hơn giá trị tài sản được hưởng thừa kế, nên buộc bà T, chị Ph, chị L, chị D phải có trách nhiệm hoàn trả cho anh Ph số tiền: 575.430.530 đồng (4.993.776.130 đồng - 4.418.345.600 đồng).

Giao cho bà Đ: Nhà gắn liền quyền sử dụng đất 94,7m^2 tọa lạc tại 771 khu phố TT, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang (3.968.891.500 đồng) và nhà gắn liền quyền sử dụng đất 71,8m^2 tọa lạc tại 524 khu phố TT, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang (2.083.196.869 đồng). Tổng giá trị 6.052.088.369 đồng.

Các tài sản của bà Đ nhận cao hơn giá trị tài sản được hưởng, nên buộc bà Đ phải có trách nhiệm giao trả lại cho anh Ph số tiền: 529.156.369 đồng (6.052.088.369 đồng - 5.522.932.000 đồng).

[12] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Đ được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, do bà Đ có đơn xin miễn án phí theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà Đ.

Bà Phạm Thị T được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, do bà T có đơn xin miễn án phí theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà T.

Chị Lăng Thị Ph, Lăng Thị Kim L, Lăng Thị Kim D, anh Lăng Thanh Ph mỗi người phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị phần tài sản được chia 1.104.586.400 đồng. Cụ thể như sau: {36.000.000 đồng + [3% x (1.104.586.400 đồng - 800.000.000 đồng)} = 45.137.592 đồng (làm tròn 45.138.000 đồng), khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NLQ1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần đòi tài sản không được chấp nhận 3.968.891.500 đồng. Cụ thể như sau: {72.000.000 đồng + [2% x (3.968.891.500 đồng - 2.000.000.000 đồng)]}= 111.377.830 đồng (Làm tròn 111.378.000 đồng), khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Lăng Thanh Ph, NLQ1 mỗi người phải nộp án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bà Nguyễn Thị Đ được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, do bà Đ có đơn xin miễn án phí theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà Đ.

Bà Phạm Thị T, chị Lăng Thị Ph, Lăng Thị Kim L, Lăng Thị Kim D không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà T, chị Ph, chị L, chị D.

[13] Chi phí tố tụng khác: Chi phí định giá tài sản là 20.500.000 đồng, ông Lăng Hưng L đã nộp xong, nên những người được hưởng di sản thừa kế của ông L không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Áp dụng các Điều 609, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 654 và Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; Áp dụng các điều 100, 101, 167, 168 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Áp dụng điểm c1 mục 1 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang về phần án phí và chi phí định giá tài sản.

Không chấp nhận kháng cáo bà Nguyễn Thị Đ, anh Lăng Thanh Ph, NLQ1.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phạm Thị T, chị Lăng Thị Ph, Lăng Thị Kim L, Lăng Thị Kim D.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 12/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

- *Phần tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà Phạm Thị T, chị Lăng Thị Ph, chị Lăng Thị Kim L và chị Lăng Thị Kim D về việc chia di sản thừa kế do ông Lăng Hưng L chết để lại.

2. Đình chỉ một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ về việc yêu cầu những người thừa kế di sản của ông Lăng Hưng L phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền 970.000.000 đồng *(Chín trăm bảy mươi triệu đồng)* trước khi chia di sản thừa kế của ông Lăng Hưng L và bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ về việc không đồng ý chia tài sản chung với ông Lăng Hưng L.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của NLQ1 về việc công nhận quyền sử dụng đất sau khi đo đạc thực tế diện tích 94,7m^2 và tài sản trên đất tọa lạc tại số 771, khu phố TT, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang là tài sản riêng của NLQ1.

4. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Lăng Thanh Ph về việc yêu cầu được sở hữu căn nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại số 454, khu phố TT, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

5. Xác định di sản thừa kế của ông Lăng Hưng L để lại gồm:

- 1/2 giá trị tài sản là quyền sử dụng đất diện tích theo đo đạc thực tế 60m^2 thuộc tờ bản đồ số 2, thửa số 28, tọa lạc tại số 454, khu phố TT, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 159851 do Ủy ban nhân dân huyện HĐ cấp ngày 14/10/2005 cho ông Lăng Hưng L đứng tên, trên đất có căn nhà 01 trệt và 02 lầu được xây dựng năm 2001 và sửa chữa lại năm 2013, bao gồm: (1) nhà - kho chứa hàng có kết cấu móng và khung cột bê tông cốt thép, nền lát gạch ceramit, tường xây gạch dày 10cm có ốp gạch men trang trí, cầu thang bê tông cốt thép ốp gạch ceramic, tay vịn Inox, sàn bê tông cốt thép, cửa đi chính sắt kéo, cửa sổ khung nhôm và kính, hiện trạng nhà đang sử dụng; (2) mái che trước xây dựng năm 2001, kết cấu khung kèo bằng thép, xà gỗ thép, mái tôn sóng vuông, diện tích sử dụng 16m^2; (3) mái che sân thượng xây dựng năm 2001, kết cấu khung kèo bằng thép, xà gồ thép, mái tôn sóng vuông, diện tích sử dụng 41m^2 (tài sản 1). Tổng giá trị tài sản là 2.200.296.869 đồng.

- 1/2 giá trị tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 71,8m^2, cặp kênh Rạch Giá-Hà Tiên và Quốc lộ 80, tọa lạc tại số 524, khu phố TT, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên đất có căn nhà 01 trệt và 01 lầu được xây dựng năm 2003, kết cấu móng bê tông cốt thép gia cố cừ tràm, nền lát gạch ceramic 40 x 40cm, cột bê tông cốt thép, tường xây gạch dày 10cm, cầu thang bê tông cốt thép ốp gạch ceramic, tay vịn gỗ, cửa đi chính 04 cánh mở khung nhôm và kính, cửa sổ khung nhôm và kính (tài sản 2). Tổng giá trị tài sản là 1.631.908.130 đồng.

- 1/2 giá trị tài sản là quyền sử dụng đất diện tích theo đo đạc thực tế 2.866,9m^2, thuộc tờ bản đồ số 03, thửa số 03, 03a, tọa lạc tại ấp MH, xã ML, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 837086 do Ủy ban nhân dân huyện HĐ cấp ngày 10/8/2004 cho ông Lăng Hưng L đứng tên (tài sản 3). Giá trị tài sản là 730.228.000 đồng.

- 1/2 giá trị tài sản là quyền sử dụng đất diện tích đo đạc thực tế 2.497,9m^2 thuộc tờ bản đồ số 04, thửa số 38, 38a, tọa lạc tại ấp BTh, xã BS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 812634 do Ủy ban nhân dân huyện HĐ cấp ngày 20/5/2004 cho ông Lăng Hưng L đứng tên (tài sản 4). Giá trị tài sản là 1.605.824.000 đồng.

- 1/2 giá trị tài sản là quyền sử dụng đất diện tích theo đo đạc thực tế 1.457,6m^2 thuộc thửa số 37, 82, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp BTh, xã BS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 812633 do Ủy ban nhân dân huyện HĐ cấp ngày 04/4/2007 cho ông Lăng Hưng L đứng tên (tài sản 5). Giá trị tài sản là là 908.716.000 đồng.

- 1/2 giá trị tài sản là quyền sử dụng đất diện tích đo đạc thực tế 94,7m^2 thuộc tờ bản đồ số 4, thửa số 90a, tọa lạc tại số 771, khu phố TT, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 941721 do Ủy ban nhân dân huyện HĐ cấp ngày 01/8/2008 cho ông Lăng Hưng L đứng tên, trên đất có căn nhà 01 trệt và 01 lửng được xây dựng năm 2009 và sửa chữa lại năm 2013, kết cấu móng đơn và khung cột bê thông cốt thép, nền lát gạch ceramic, tường xây gạch dày 10cm, cầu thang bê tông cốt thép ốp đá hoa cương, tay vịn Inox, trần Eron khung xương nổi cách nhiệt, đòn tay gỗ, xà gồ gỗ, mái tôn sóng vuông, cửa đi chính kính cường lực và cửa cuốn, cửa sổ khung nhôm và kính, nhà đang sử dụng (tài sản 6). Tổng giá trị tài sản là 3.968.891.500 đồng.

Như vậy, di sản thừa kế ông L để lại theo định giá có giá trị là 5.522.932.000đ *(Năm tỷ năm trăm hai mươi hai triệu chín trăm ba mươi hai nghìn đồng).*

6. Xác định hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của ông Lăng Hưng L gồm có 05 người là: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1957; Chị Lăng Thị Ph, sinh năm 1979; Chị Lăng Thị Kim L, sinh năm 1981; Chị Lăng Thị Kim D, sinh năm 1983 và Anh Lăng Thanh Ph, sinh năm 1990.

7. Kỷ phần thừa kế mỗi người thừa kế của ông Lăng Hưng L được hưởng là 1.104.586.400 đồng *(Một tỷ một trăm lẻ bốn triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn bốn trăm đồng).*

8. Chia di sản thừa kế của ông Lăng Hưng L cho bà Phạm Thị T, chị Lăng Thị Ph, chị Lăng Thị Kim L và chị Lăng Thị Kim D được sử dụng các tài sản như sau:

- Thửa đất số 38, 38a, tờ bản đố số 04 diện tích đo đạc thực tế 2.497,9m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 812634 do Ủy ban nhân dân huyện HĐ cấp ngày 20/5/2004, đứng tên ông Lăng Hưng L. Địa chỉ khu đất ấp BTh, xã BS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang (tài sản 4). Theo tờ trích đo địa chính ngày 14/12/2016 đất có tứ cận như sau:

+ Cạnh 1 - 2 giáp hành lang an toàn giao thông đường bộ = 44m; Cạnh 2 - 3 giáp đất ông Lăng Hưng L = 56,86m; Cạnh 3 - 4 giáp hành lang an toàn giao thông đường thủy = 44m; Cạnh 4 - 1 giáp đất ông Lê Hùng S = 56,80m.

- Thửa đất số 37, 82, tờ bản đố số 04 diện tích đo đạc thực tế 1.457,6m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 812633 do Ủy ban nhân dân huyện HĐ cấp

ngày 10/8/2004, đứng tên ông Lăng Hưng L. Địa chỉ khu đất ấp BTh, xã BS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang (tài sản 5). Theo tờ trích đo địa chính ngày 14/12/2016 đất có tứ cận như sau:

+ Cạnh 2 - 5 giáp hành lang an toàn giao thông đường bộ = 21,90m; Cạnh 5 - 6 giáp đất Lê Thị H = 22,10m; Cạnh 6 - 7 giáp đất Lê Thị H = 6,9m; Cạnh 7 - 8 giáp đất Lưu Thị H1 = 34,3m; Cạnh 8 - 3 giáp đất giáp hành lang an toàn giao thông đường thủy = 26m; Cạnh 3 - 2 giáp đất ông Lăng Hưng L = 56,86m.

- Thửa đất số 03, 03a, tờ bản đố số 3 diện tích đo đạc thực tế 2.866,9m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 837086 do Ủy ban nhân dân huyện HĐ cấp ngày 10/8/2004, đứng tên ông Lăng Hưng L. Địa chỉ khu đất ấp MH, xã ML, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang (tài sản 3): Theo tờ trích đo địa chính ngày 13/12/2016 đất có tứ cận như sau:

+ Cạnh 1 - 2 giáp đất bà Phan Thị Ngọc Á = 15,20m; Cạnh 2 - 3 giáp đất bà Phan Thị Ngọc Á = 23,30m; Cạnh 3 - 4 giáp hành lang an toàn giao thông đường bộ = 10,30m; Cạnh 4 - 5 giáp đất ông Đoàn Văn L = 225,80m; Cạnh 5 - 6 giáp kênh thủy lợi = 10,30m; Cạnh 6 - 7 giáp đất bà Phan Thị Ngọc Á = 165,31m; Cạnh 7 - 8 giáp đất bà Phan Thị Ngọc Á = 17,50m; Cạnh 8 -1 giáp đất bà Phan Thị Ngọc Á = 31,80m.

- Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 2, diện tích đo đạc thực tế 60m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 159851 do Ủy ban nhân dân huyện HĐ cấp ngày 14/10/2005, đứng tên ông Lăng Hưng L. Địa chỉ khu đất số 454, khu phố TT, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang. Trên đất có căn nhà 01 trệt và 02 lầu được xây dựng năm 2001 và sửa chữa lại năm 2013, bao gồm: (1) nhà - kho chứa hàng có kết cấu móng và khung cột bê tông cốt thép, nền lát gạch ceramit, tường xây gạch dày 10cm có ốp gạch men trang trí, cầu thang bê tông cốt thép ốp gạch ceramic, tay vịn Inox, sàn bê tông cốt thép, cửa đi chính sắt kéo, cửa sổ khung nhôm và kính, hiện trạng nhà đang sử dụng; (2) mái che trước xây dựng năm 2001, kết cấu khung kèo bằng thép, xà gỗ thép, mái tôn sóng vuông, diện tích sử dụng 16m^2; (3) mái che sân thượng xây dựng năm 2001, kết cấu khung kèo bằng thép, xà gồ thép, mái tôn sóng vuông, diện tích sử dụng 41m^2 (tài sản 1). Theo tờ trích đo địa chính ngày 13/12/2016 đất có tứ cận như sau:

+ Cạnh 1 - 2 giáp đất ông Vũ Văn L = 15m; Cạnh 2 - 3 giáp cống thoát nước = 4m; Cạnh 3 - 4 giáp đất ông Hồ Văn Th = 15m; Cạnh 4 - 1 giáp đất vỉa hè công cộng = 4m.

Buộc bà Nguyễn Thị Đ, anh Lăng Thanh Ph phải giao các thửa đất và các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu đã phân chia trên cho bà Phạm Thị T, chị Lăng Thị Ph, chị Lăng Thị Kim L, chị Lăng Thị Kim D sử dụng. Bà T, chị Ph, chị L, chị D có quyền liên hệ với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất từ ông Lăng Hưng L, bà Nguyễn Thị Đ.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Đ, anh Lăng Thanh Ph không giao các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các thửa đất đã phân chia cho bà T, chị Ph, chị L, chị D ở trên thì kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi hủy các giấy này và làm thủ tục cấp lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới cho bà T, chị Ph, chị L, chị D sử dụng.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn T đồng ý di dời nhà ở và toàn bộ tài sản khác trên đất trả lại mặt bằng tài sản 3 cho bà T, chị Ph, chị L và chị D quản lý, sử dụng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T không yêu cầu bà T và các con phải hoàn trả tiền xây dựng và di dời tài sản.

9. Bà Nguyễn Thị Đ được giao quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng các thửa đất sau:

- Bà Nguyễn Thị Đ được sử dụng thửa đất số 90a, tờ bản đồ số 4, diện tích đo đạc thực tế 94,7m^2, trên đất có căn nhà 01 trệt và 01 lửng được xây dựng năm 2009 và sửa chữa lại năm 2013, kết cấu móng đơn và khung cột bê thông cốt thép, nền lát gạch ceramic, tường xây gạch dày 10cm, cầu thang bê tông cốt thép ốp đá hoa cương, tay vịn Inox, trần Eron khung xương nổi cách nhiệt, đòn tay gỗ, xà gồ gỗ, mái tôn sóng vuông, cửa đi chính kính cường lực và cửa cuốn, cửa sổ khung nhôm và kính, nhà đang sử dụng (tài sản 6). Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 941721 do Ủy ban nhân dân huyện HĐ cấp ngày 01/8/2008, đứng tên ông Lăng Hưng L. Địa chỉ khu đất Khu phố TT, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang. Theo tờ trích đo địa chính ngày 14/12/2016 đất có tứ cận như sau:

+ Cạnh 1 - 2 giáp hành lang an toàn giao thông đường bộ = 6,8m; Cạnh 2 - 3 giáp đất bà Nguyễn Thị G = 13,95m; Cạnh 3 - 4 giáp đất NLQ1 = 6,8m; Cạnh 4 - 1 giáp đất ông Võ Hoàng V = 13,95m.

- Thửa đất diện tích đo đạc thực tế 71,8m^2, cặp kênh Rạch Giá - Hà Tiên và Quốc lộ 80. Địa chỉ khu đất số 524, khu phố TT, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất có căn nhà 01 trệt và 01 lầu được xây dựng năm 2003, kết cấu móng bê tông cốt thép gia cố cừ tràm, nền lát gạch ceramic 40 x 40cm, cột bê tông cốt thép, tường xây gạch dày 10cm, cầu thang bê tông cốt thép ốp gạch ceramic, tay vịn gỗ, cửa đi chính 04 cánh mở khung nhôm và kính, cửa sổ khung nhôm và kính (tài sản 2). Theo tờ trích đo địa chính ngày 13/12/2016 đất có tứ cận như sau:

+ Cạnh 1 - 2 giáp kênh Rạch Giá - Hà Tiên = 4,5m; Cạnh 2 - 3 giáp đất bà Phạm Thị B = 16m; Cạnh 3 - 4 giáp đất Quốc lộ 80 = 4,5m; Cạnh 4 - 1 giáp đất NLQ1 = 16m.

Đối với hai thửa đất này bà Nguyễn Thị Đ đang sử dụng, nên giao bà Đ được tiếp tục sử dụng.

Bà Đ có trách nhiệm liên hệ với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các tài sản trên đất đối với các tài sản mà đã được phân chia.

10. Buộc NLQ1 phải di dời các vật dụng trong nhà và giao thửa đất này cho bà Nguyễn Thị Đ sử dụng.

11. Buộc bà Nguyễn Thị Đ phải có trách nhiệm giao trả lại cho anh Lăng Thanh Ph số tiền 529.156.369 đồng [(Làm tròn 529.156.000 đồng) - *Năm trăm hai mươi chín triệu một trăm năm mươi sáu nghìn đồng*].

12. Buộc bà Phạm Thị T, chị Lăng Thị Ph, chị Lăng Thị Kim L, chị Lăng Thị Kim D phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho anh Lăng Thanh Ph số tiền 575.430.530 đồng [(Làm tròn 575.431.000 đồng) - *Năm trăm bảy mươi lăm triệu bốn trăm ba mươi mốt nghìn đồng*].

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

"Mức lãi suất hai bên thỏa thuận" là mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng hoặc tại Tòa án. Trường hợp, các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất nợ quá hạn thì mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

13. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án hủy đồng tín dụng số 7716-LAV-201500426/HĐTD ngày 12/3/2015 và các hợp đồng thế chấp số 201303213A/HĐTC ngày 25/02/2014; số 201303213B/HĐTC ngày 25/02/2014 và số 201303213C/HĐTC ngày 25/02/2014 ký kết giữa Ngân hàng chi nhánh ML, Kiên Giang với bà Nguyễn Thị Đ và buộc Ngân hàng phải trả lại toàn bộ giấy tờ nhà đất cho ông Lăng Hưng L.

14. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Đ được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp 21.400.000đ *(Hai mươi mốt triệu bốn trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009084 ngày 17/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

Bà Phạm Thị T, chị Lăng Thị Ph, chị Lăng Thị Kim L, chị Lăng Thị Kim D và anh Lăng Thanh Ph là những người thuộc hàng thừa kế của ông Lăng Hưng L, nên số tiền tạm ứng án phí 10.500.000đ *(Mười triệu năm trăm nghìn đồng)* do ông

Lăng Hưng L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003362 ngày 19/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang [Mỗi người được khấu trừ 2.100.000đ *(Hai triệu một trăm nghìn đồng)*].

Bà Phạm Thị T được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, nên hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà T 2.100.000đ *(Hai triệu một trăm nghìn đồng)* nằm trong biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003362 ngày 19/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

Chị Lăng Thị Ph, Lăng Thị Kim L, Lăng Thị Kim D mỗi người phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 45.138.000 đồng. Mỗi người được khấu trừ 2.100.000 đồng nằm trong biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003362 ngày 19/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang. Chị Ph, chị L, chị D mỗi người còn phải nộp 43.038.000đ *(Bốn mươi ba triệu không trăm ba mươi tám nghìn đồng)*.

Anh Lăng Thanh Ph phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 45.138.000 đồng. Anh Ph được khấu trừ 2.100.000 đồng nằm trong biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003362 ngày 19/3/2018 và 7.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003501 ngày 21/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang. Anh Ph còn phải nộp 35.538.000đ *(Ba mươi lăm triệu năm trăm ba mươi tám nghìn đồng)*.

NLQ1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 111.378.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 24.000.000 đồng theo biên lai thu tiền 0003502 ngày 24/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang. NLQ1 còn phải nộp thêm 87.378.000đ *(Tám mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn đồng)*.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Lăng Thanh Ph, NLQ1 mỗi người phải nộp án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, khấu trừ tiền tạm ứng án phí mỗi người đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002298, 0002297 cùng ngày 25/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang (Do bà Nguyễn Thị Đ là người nộp thay). Anh Ph, NLQ1 không phải nộp thêm.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị Đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002296 ngày 25/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho bà Phạm Thị T, chị Lăng Thị Ph, chị Lăng Thị Kim L, chị Lăng Thị Kim D theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số tiền 0002308, 0002305, 0002307, 0002306 cùng ngày 02/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang (Do bà Nguyễn Văn T là người nộp thay).

15. Chi phí tố tụng khác: Chi phí định giá tài sản là 20.500.000 đồng, ông Lăng Hưng L đã nộp xong, nên những người được hưởng thừa kế di sản thừa kế của ông Lợi không phải nộp thêm.

16. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

17. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện HĐ;
- THA dân sự huyện HĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Đình Thi